

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 177/2020/DS-ST

Ngày: 22/7/2020

V/v tranh chấp “Hợp đồng vay
tài sản”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH-TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Anh T**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cao Văn Hiệp

2. Ông Lê Hoài Phong

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Phục – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 22 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số **103/2020/TLST-DS** ngày 23/4/2020 về việc tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số **63/2020/QĐXXST-DS** ngày 29/6/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần SGT.T. Địa chỉ: Số 266-268 NKKN, phường 8, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

- Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn G – Giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần SGT.T chi nhánh Tiền Giang.

- Ủy quyền lại cho: Ông Nguyễn Quốc C – Trưởng phòng giao dịch Châu Thành.

2. Bị đơn: Nguyễn Văn T, sinh năm 1991. Địa chỉ: Ấp LTA, xã LH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần SGTT có đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Văn G (ủy quyền lại cho ông Nguyễn Quốc C) trình bày:*

Vào ngày 09/5/2016, Ngân hàng Thương mại cổ phần SGTT và anh Nguyễn Văn T có ký kết hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với hạn mức là 15.000.000 đồng, mục đích sử dụng là tiêu dùng cá nhân. Lãi suất 2,15%/tháng, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng anh T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 15.000.000 đồng. Tính đến nay anh T đã thanh toán cho Ngân hàng 19.277.000 đồng, trong đó vốn là 9.094.939 đồng, lãi và phí là 10.182.061 đồng. Ngân hàng đã nhiều lần làm việc, nhắc nhở anh T thanh toán khoản vay trên nhưng anh T không thực hiện.

Nay Ngân hàng yêu cầu anh T trả cho Ngân hàng 10.094.969 đồng, trong đó vốn vay là 5.905.061 đồng và lãi trong hạn là 951.880 đồng, lãi quá hạn là 3.238.028 đồng.

** Bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý, bản sao đơn kiện và tài liệu chứng cứ của nguyên đơn, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt, không có ý kiến.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Xác định đây là quan hệ tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo qui định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Anh T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai vẫn vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt.

[3] Về nội dung:

Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần SGTT cho rằng: Vào ngày 09/5/2016, Ngân hàng Thương mại cổ phần SGTT và anh Nguyễn Văn T có ký kết hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với hạn mức là 15.000.000 đồng, mục đích sử dụng là tiêu dùng cá nhân. Lãi suất 2,15%/tháng, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng anh T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 15.000.000 đồng. Tính đến nay anh T đã thanh toán cho Ngân hàng 19.277.000 đồng, trong đó vốn là 9.094.939 đồng, lãi và phí là 10.182.061 đồng. Ngân hàng đã nhiều lần làm việc, nhắc nhở anh T thanh toán khoản vay trên nhưng anh T không thực hiện. Hiện anh T còn nợ Ngân hàng 10.094.969 đồng, trong đó vốn vay là 5.905.061 đồng và lãi trong hạn là 951.880 đồng, lãi quá hạn là 3.238.028 đồng.

Xét thấy nguyên đơn có cung cấp được chứng cứ là Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng và các chứng cứ thể hiện nội dung vay nợ trên. Phía bị đơn đã được tổng đạt Thông báo thụ lý, bản sao đơn kiện, tờ khai và các tài liệu chứng cứ của nguyên đơn nhưng vẫn không có ý kiến phản đối, căn cứ vào Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự đủ cơ sở xác định các tình tiết, tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn đưa ra là có thật. Do các khoản nợ trên đã quá hạn, nên yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả 10.094.969 đồng (trong đó vốn vay là 5.905.061 đồng và lãi trong hạn là 951.880 đồng, lãi quá hạn là 3.238.028 đồng) là có căn cứ nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Cần buộc anh T chịu 5% trên số tiền 10.094.969 đồng là 504.748 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 317, 319, 323, 325, 463, 466, 470 Bộ luật Dân sự.

Căn cứ vào các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Buộc anh Nguyễn Văn T trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần SGTT 10.094.969 đồng (trong đó vốn vay là 5.905.061 đồng và lãi trong hạn là 951.880 đồng, lãi quá hạn là 3.238.028 đồng) ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Anh Nguyễn Văn T tiếp tục chịu lãi theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ký kết ngày 19/5/2016 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần SGTT và anh Nguyễn Văn T.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh T phải chịu 504.748 đồng. Hoàn lại Ngân hàng Thương mại cổ phần SGTT 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002560 ngày 22/4/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

3. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND H. Châu Thành;
- Chi cục THADS H. Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Bùi Anh Tuấn

